



hóng wěi

宏伟

Adjective · magnificent; grand

Example Sentences

zhè zuò qiáo hěn hóng wěi
这座桥很宏伟。

This bridge is magnificent.

zhè zuò hóng wěi de tú shū guǎn shì chéng shì de wén huà dì biāo
这座宏伟的图书馆是城市的文化地标。

This magnificent library is the cultural landmark of the city.

hóng wěi de gù gōng xī yǐn liǎo wú shù yóu kè
宏伟的故宫吸引了无数游客。

The magnificent Forbidden City attracts countless tourists.

Trace each character, then write the word on your own.

宏	宏	宏	宏	宏	宏	宏	宏	宏	宏
伟	伟	伟	伟	伟	伟	伟	伟	伟	伟